



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đầu tư số** 271110000018 ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận** 2703001077 ngày 20 tháng 12 năm 2006  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 2900783332 ngày 26 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 26 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch
	Ông Văn Thanh Liêm	Thành viên
	Ông Cao Thanh Bích	Thành viên
	Ông Võ Hải Thanh	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thanh Thùy	Trưởng ban
	Bà Hoàng Thanh Vân	Thành viên
	Ông Đặng Hải Hà	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Võ Hải Thanh	Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Anh	Phó Giám đốc
	Ông Hoàng Lâm Hòa	Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Khối 1, Xã Hưng Đạo  
Huyện Hưng Nguyên  
Tỉnh Nghệ An  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Võ Hải Thanh**  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá giá trị trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00254-21-2



  
Hà Vũ Đình  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND (Phân loại lại)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>187.973.676.734</b>	<b>211.107.082.960</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>32.255.619.506</b>	<b>13.608.853.476</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>60.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	60.000.000.000	80.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.969.839.771</b>	<b>39.186.732.203</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	24.862.652.389	37.980.039.856
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		626.820.000	890.998.440
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.577.867.382	413.193.907
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(97.500.000)	(97.500.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9(a)</b>	<b>68.168.930.135</b>	<b>77.769.025.502</b>
Hàng tồn kho	141		70.642.422.232	81.053.685.792
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.473.492.097)	(3.284.660.290)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>579.287.322</b>	<b>542.471.779</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		579.287.322	542.471.779
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>491.485.021.913</b>	<b>570.657.210.779</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>475.006.412.120</b>	<b>545.067.196.436</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	474.906.399.750	545.067.196.436
Nguyên giá	222		1.276.537.420.925	1.269.224.518.816
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(801.631.021.175)	(724.157.322.380)
Tài sản cố định vô hình	227	11	100.012.370	-
Nguyên giá	228		203.930.000	91.650.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.917.630)	(91.650.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>562.500.000</b>	<b>3.134.294.000</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	562.500.000	3.134.294.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.886.109.793</b>	<b>22.425.720.343</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.824.893.646	14.942.036.971
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.512.245.150	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9(b)	6.548.970.997	7.483.683.372
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>679.458.698.647</b>	<b>781.764.293.739</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND (Phân loại lại)
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>191.216.824.355</b>	<b>263.439.038.658</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>190.724.824.355</b>	<b>262.947.038.658</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	9.804.967.341	29.572.133.617
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	97.197.466.656	88.042.315.108
Phải trả người lao động	314		2.284.679.837	4.953.439.421
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	6.476.564.077	9.497.584.693
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.576.021.060	4.258.163.693
Vay ngắn hạn	320	18	67.230.221.922	118.766.311.328
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	6.154.903.462	7.857.090.798
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>492.000.000</b>	<b>492.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		320.000.000	320.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		172.000.000	172.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>488.241.874.292</b>	<b>518.325.255.081</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>488.241.874.292</b>	<b>518.325.255.081</b>
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.725.678.277	61.809.059.066
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.923.220.383	1.320.522.827
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		27.802.457.894	60.488.536.239
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>679.458.698.647</b>	<b>781.764.293.739</b>

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Văn Bá Thi  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Võ Hải Thanh  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>700.309.398.273</b>	<b>960.833.511.473</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>634.603.394.080</b>	<b>839.230.002.949</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>65.706.004.193</b>	<b>121.603.508.524</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.915.041.764	3.617.220.258
Chi phí tài chính	22		7.111.420.994	9.952.360.490
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.111.420.396	9.952.360.490
Chi phí bán hàng	25		976.819.134	1.404.493.820
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	24.620.339.037	24.563.526.487
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>38.912.466.792</b>	<b>89.300.347.985</b>
Thu nhập khác	31		582.186.556	614.415.796
Chi phí khác	32		14.947.704	1.755.732
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>567.238.852</b>	<b>612.660.064</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>39.479.705.644</b>	<b>89.913.008.049</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>29</b>	<b>7.990.184.800</b>	<b>21.351.675.210</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>29</b>	<b>(2.512.245.150)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>34.001.765.994</b>	<b>68.561.332.839</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	620	1.350

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Văn Bá Thi  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Võ Hải Thanh  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>39.479.705.644</b>	<b>89.913.008.049</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		77.485.966.425	77.069.371.501
Các khoản dự phòng	03		(1.653.346.783)	14.214.572.537
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(5.915.041.764)	(3.607.706.633)
Chi phí lãi vay	06		7.111.420.396	9.952.360.490
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>116.508.703.918</b>	<b>187.541.605.944</b>
Biến động các khoản phải thu	09		13.057.125.552	25.568.764.520
Biến động hàng tồn kho	10		12.188.154.525	(11.992.733.761)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(12.377.357.133)	2.931.840.371
Biến động chi phí trả trước	12		8.080.327.782	3.609.221.518
			<b>137.456.954.644</b>	<b>207.658.698.592</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.200.304.011)	(10.069.915.515)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.782.107.731)	(17.284.084.411)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.194.334.119)	(4.840.413.633)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>111.280.208.783</b>	<b>175.464.285.033</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(4.885.219.669)	(9.993.685.824)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(100.000.000.000)	(101.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		120.000.000.000	53.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		4.810.630.204	3.219.816.224
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>19.925.410.535</b>	<b>(54.773.869.600)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		731.370.852.284	1.037.203.509.775
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(782.906.941.690)	(1.135.052.074.914)
Tiền chi trả cổ tức	36		(61.022.763.882)	(26.758.999.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(112.558.853.288)</b>	<b>(124.607.564.939)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>18.646.766.030</b>	<b>(3.917.149.506)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>13.608.853.476</b>	<b>17.526.002.982</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 6)</b>	<b>70</b>		<b>32.255.619.506</b>	<b>13.608.853.476</b>

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:

  
**Văn Bá Thi**  
*Kế toán Trưởng*

Người duyệt:

  
**Võ Hải Thanh**  
*Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSL.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 200 nhân viên (1/1/2020: 205 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí mua hàng tồn kho và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

#### **(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### **(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **(l) Vốn cổ phần**

##### ***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.



**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Ảnh hưởng của Covid-19 và các quy định mới**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

**5. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Tiền**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	446.848.730	420.348.730
Tiền gửi ngân hàng	31.808.770.776	13.188.504.746
	32.255.619.506	13.608.853.476

**7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,3% đến 7,7% một năm (1/1/2020: 7,0% một năm).

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	23.262.775.316	37.502.899.391
Các khách hàng khác	1.599.877.073	477.140.465
	24.862.652.389	37.980.039.856

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	23.262.775.316	37.502.899.391
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.165.807.500	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	-	125.125.000

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Hàng tồn kho**

**(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND (Phân loại lại)	Dự phòng VND (Phân loại lại)
Hàng mua đang đi trên đường	37.596.000	-	2.938.371.234	-
Nguyên vật liệu	24.495.654.121	-	26.740.701.508	-
Công cụ và dụng cụ	6.852.243.629	(2.473.492.097)	8.253.775.460	(3.284.660.290)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.914.875.953	-	25.069.416.876	-
Thành phẩm	12.342.052.529	-	18.051.420.714	-
	<b>70.642.422.232</b>	<b>(2.473.492.097)</b>	<b>81.053.685.792</b>	<b>(3.284.660.290)</b>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Số dư đầu năm	3.284.660.290	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	3.284.660.290
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(811.168.193)	-
Số dư cuối năm	<b>2.473.492.097</b>	<b>3.284.660.290</b>

**(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND (Phân loại lại)	Dự phòng VND (Phân loại lại)
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	16.367.204.654	(9.818.233.657)	18.144.095.619	(10.660.412.247)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Số dư đầu năm	10.660.412.247	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	10.660.412.247
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(842.178.590)	-
Số dư cuối năm	<b>9.818.233.657</b>	<b>10.660.412.247</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	218.760.503.022	1.031.351.453.893	7.650.541.526	9.759.967.868	1.702.052.507	1.269.224.518.816
Tăng trong năm	-	491.188.000	-	361.858.000	-	853.046.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.677.159.340	1.782.696.769	-	-	-	6.459.856.109
Số dư cuối năm	223.437.662.362	1.033.625.338.662	7.650.541.526	10.121.825.868	1.702.052.507	1.276.537.420.925
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	67.775.008.298	640.579.635.141	7.169.719.302	7.229.368.071	1.403.591.568	724.157.322.380
Khấu hao trong năm	10.632.903.535	65.519.343.187	87.999.996	1.153.625.437	79.826.640	77.473.698.795
Số dư cuối năm	78.407.911.833	706.098.978.328	7.257.719.298	8.382.993.508	1.483.418.208	801.631.021.175
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	150.985.494.724	390.771.818.752	480.822.224	2.530.599.797	298.460.939	545.067.196.436
Số dư cuối năm	145.029.750.529	327.526.360.334	392.822.228	1.738.832.360	218.634.299	474.906.399.750

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 14.255 triệu VND (1/1/2020: 11.912 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	91.650.000
Tăng trong năm	112.280.000
Số dư cuối năm	<u>203.930.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	91.650.000
Khấu hao trong năm	12.267.630
Số dư cuối năm	<u>103.917.630</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	<u>100.012.370</u>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 92 triệu VND (1/1/2020: 92 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
Số dư đầu năm	3.134.294.000	562.500.000
Tăng trong năm	3.888.062.109	5.057.944.617
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.459.856.109)	(2.486.150.617)
Số dư cuối năm	<u>562.500.000</u>	<u>3.134.294.000</u>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	13.315.484.045	1.624.419.340	2.133.586	14.942.036.971
Tăng trong năm	972.388.327	-	-	972.388.327
Phân bổ trong năm	(8.053.052.605)	(1.034.345.461)	(2.133.586)	(9.089.531.652)
Số dư cuối năm	6.234.819.767	590.073.879	-	6.824.893.646

**14. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	4.073.494.400	15.758.874.428
Công ty TNHH Điện hơi Công nghiệp Tín Thành	1.413.503.600	3.519.197.578
Các nhà cung cấp khác	4.317.969.341	10.294.061.611
	9.804.967.341	29.572.133.617

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	4.073.494.400	15.758.874.428
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	13.328.404	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	2.169.904.866
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	73.315.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	72.469.271.050	713.860.763.076	(702.926.746.345)	83.403.287.781
Thuế giá trị gia tăng	9.050.467.025	141.349.580.530	(139.401.113.540)	10.998.934.015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.486.905.990	7.990.184.800	(11.782.107.731)	2.694.983.059
Thuế thu nhập cá nhân	35.671.043	1.683.239.830	(1.618.649.072)	100.261.801
	88.042.315.108	864.883.768.236	(855.728.616.688)	97.197.466.656

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	4.343.639.167	4.432.522.782
Chi phí phải trả khác	2.132.924.910	5.065.061.911
	6.476.564.077	9.497.584.693

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	1.159.300.000	3.682.063.882
Phải trả ngắn hạn khác	416.721.060	576.099.811
	1.576.021.060	4.258.163.693

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay ngắn hạn**

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	118.766.311.328	731.370.852.284	(782.906.941.690)	67.230.221.922

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh (*)	VND	5,3% - 6,5%	37.230.221.922	118.766.311.328
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh (**)	VND	5,0%	30.000.000.000	-
			67.230.221.922	118.766.311.328

(\*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 300 tỷ VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 474.906 triệu VND (1/1/2020: 545.067 triệu VND) (Thuyết minh 10) và quyền sử dụng đất Số AI189767 ngày 22 tháng 5 năm 2009.

(\*\*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND và không có đảm bảo.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	7.857.090.798	4.889.008.995
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	6.106.308.100	7.808.495.436
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(614.161.317)	-
Sử dụng trong năm	(7.194.334.119)	(4.840.413.633)
Số dư cuối năm	6.154.903.462	7.857.090.798

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	450.000.000.000	6.516.196.015	28.320.522.827	484.836.718.842
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	68.561.332.839	68.561.332.839
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(7.808.495.436)	(7.808.495.436)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(264.301.164)	(264.301.164)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	450.000.000.000	6.516.196.015	61.809.059.066	518.325.255.081
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	34.001.765.994	34.001.765.994
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(58.500.000.000)	(58.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(6.106.308.100)	(6.106.308.100)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	614.161.317	614.161.317
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(93.000.000)	(93.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	450.000.000.000	6.516.196.015	31.725.678.277	488.241.874.292





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## 22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 7 tháng 7 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 58.500 triệu VND (tương đương 1.300 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: 27.000 triệu VND, tương đương 600 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

## 23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



## 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	1.239.041.000	857.528.064
Từ hai đến năm năm	4.956.164.000	3.430.112.256
Sau năm năm	41.198.113.250	29.370.336.192
	47.393.318.250	33.657.976.512

## 25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	693.914.112.794	951.991.504.854
<i>Bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.407.774.875.870	1.879.317.912.530
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(713.860.763.076)	(927.326.407.676)
▪ Doanh thu khác	6.395.285.479	8.842.006.619
	700.309.398.273	960.833.511.473

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Bán thành phẩm	618.065.481.282	814.941.506.277
▪ (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	(1.653.346.783)	13.945.072.537
▪ Giá vốn khác	18.191.259.581	10.343.424.135
	<hr/> 634.603.394.080	<hr/> 839.230.002.949

**27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	9.220.109.398	10.408.302.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.793.685.185	3.799.863.167
Thuế, phí và lệ phí	1.267.767.876	886.254.876
Chi phí khấu hao	1.004.389.267	852.711.992
Thiết bị văn phòng	1.609.846.537	520.782.820
Chi phí quản lý khác	7.724.540.774	8.095.611.587
	<hr/> 24.620.339.037	<hr/> 24.563.526.487

**28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	483.495.091.052	688.090.720.896
Chi phí khấu hao và phân bổ	77.485.966.425	77.069.371.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.967.662.106	55.755.613.708
Chi phí nhân công và nhân viên	33.138.823.301	34.779.667.868
Chi phí khác	9.370.050.154	9.502.649.283

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2020 VND	2019 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	7.466.872.975	21.351.675.210
Dự phòng thiếu trong những năm trước	523.311.825	-
	7.990.184.800	21.351.675.210
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(2.512.245.150)	-
	5.477.939.650	21.351.675.210

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	39.479.705.644	89.913.008.049
Thuế theo thuế suất của Công ty	7.895.941.129	17.982.601.610
Chi phí không được khấu trừ thuế	376.267.031	171.226.044
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trong những năm trước	(3.317.580.335)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	523.311.825	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	3.197.847.556
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.477.939.650	21.351.675.210

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	34.001.765.994	68.561.332.839
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.106.308.100)	(7.808.495.436)
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>27.895.457.894</b>	<b>60.752.837.403</b>

(\*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.407.774.875.870	1.879.317.912.530
Mua nguyên vật liệu	426.054.905.284	595.758.876.793
Cổ tức	40.235.000.000	18.570.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Mua chai	858.180.960	6.819.747.681
Chi phí sử dụng vỏ chai	917.702.000	2.607.233.514



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh</b> Mua nguyên vật liệu	827.700.000	799.800.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ</b> Mua hàng hoá	1.417.049.500	1.153.146.250
<b>Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co</b> Mua công cụ và dụng cụ	76.714.731	2.092.717.332
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b> Mua hàng hoá	164.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh</b> Cho mượn công cụ và dụng cụ	190.453.442	-
<b>Ban Giám đốc</b> Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.015.807.376	1.994.459.160

**32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	2020 VND	2019 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	46.750.000	343.046.000

12042-0  
 NHÁ  
 G TY T  
 PMG  
 Ờ HỒ G

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 33. Thông tin so sánh

Ngoài các thông tin so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

#### Bảng cân đối kế toán

	1/1/2020 VND (phân loại lại)	1/1/2020 VND (theo báo cáo trước đây)
Hàng tồn kho	77.769.025.502	85.252.708.874
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	7.483.683.372	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	172.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	172.000.000	-

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Văn Bá Thi  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



M.S.D.N: 29007833  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
**BIA**  
SÀI GÒN - SÔNG LAM  
H. HƯNG NGUYỄN - T. NGHE AN

Võ Hải Thanh  
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA  
SÀI GÒN - SÔNG LAM  
H. HƯNG NGUYỄN - T. NGHE AN